

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 165

LUẬN NGUYÊN NHÂN

SỐ 1886

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1886

LUẬN NGUYÊN NHÂN VÀ LỜI TỰA

*Biên soạn: Sa-môn Tông Mật,
chùa Thảo Đường, núi Chung Nam.*

Vạn linh ngộ ngoáy đều có gốc của chúng muôn vật, cỏ thơm đều trở về rễ của nó. Chưa có gốc nào không có rễ mà có cành, ngọn, hướng chỉ là linh thiêng nhất trong ba tài, mà không có bản nguyên? Vả lại, người biết người là trí; người tự biết là sáng suốt.

Nay, ta được thọ thân người mà không tự biết mình từ đâu đến, thì làm sao biết đời khác thú hưởng? Đâu thể biết được việc của con người xưa, nay trong thiên hạ, nên thường trong mấy mươi năm học sư vô thường, buông bỏ khắp trong, ngoài, vì gốc là thân mình, không là quả dĩ vãng của cội nguồn, được gốc thân kia. Nhưng, hiện nay, người tập tạo Nho chỉ biết gần, tức là Tổ, là thể truyền của cha, nối tiếp nhau cảm thọ được thân này; xa thì một khí hỗn độn, chia cắt làm hai âm dương, hai sanh ra trời, đất, người ba; ba sanh ra muôn vật, muôn vật với con người đều lấy khí làm gốc.

Người tu Phật pháp, chỉ nói rằng: “Gần thì đời trước đã tạo nghiệp, theo nghiệp chịu báo được thân người này; còn xa, thì nghiệp lại từ “hoặc”, lần lượt cho đến thức A-lại-da là căn bản của thân, đều nói là đã cùng cực mà thật tùy thời ứng vật, lập giáo theo đường lối khác nhau. Trong, ngoài giúp nhau, lợi chung cho chúng sanh. Sách tấn siêng năng muôn hạnh, thuyết minh thí, chung, nhân, quả; tìm tòi nghiên cứu muôn pháp. Sanh khởi rứt rễ gốc, ngọn, dù đều là ý Thánh, nhưng có thật, có quyền, hai giáo chỉ quyền, Phật gồm quyền thật. Sách tấn muôn hạnh, bỏ ác, khuyến thiện đồng quy ở

trị vì, ba giáo đều có thể vâng giữ. Tìm tòi muôn pháp cùng lý, tận tánh, đến nơi bản nguyên, thì Phật giáo mới là giáo quyết liễu.

Tuy nhiên, các học sĩ hiện nay, đều chấp một tông, y cứ ở sư, Phật, vẫn còn mê thật nghĩa, nên đối với trời, đất, người, vật, chẳng phải cùng cực nguồn của cội nguyên.

Nay, tôi lại y cứ giáo lý trong, ngoài, nhằm suy cùng muôn pháp, đầu tiên, từ nông cạn đến sâu sắc. Đối với người tu tập quyền giáo, thì bác bỏ sự vướng mắc, bị động, sao cho đi suốt qua các pháp căn bản kia. Về sau, y cứ vào liễu giáo, biểu thị rõ lần lượt nghĩa sinh khởi. Gặp sự nghiêng lệch sao cho viên, mà đến cùng cực (cùng cực tức trời đất, người vật).

Văn có bốn bài, tên là Nguyên nhân

LUẬN NGUYÊN NHÂN

THỨ NHẤT, BÁC BỎ MÊ CHẤP : (người tu tập đạo Nho).

Thuyết của hai giáo đạo Nho nói: “Loài người, súc sinh, v.v... đều là do đạo lớp hư vô sinh thành, nuôi nấng giáo dục, tức là đạo pháp tự nhiên sinh ra nguyên khí; nguyên khí sinh ra trời, đất; trời, đất sinh muôn vật, nên ngu, trí, sang, hèn, nghèo, giàu, khổ, vui, đều bẩm sinh ở trời do thời vận, mạng số, nên sau khi chết, sẽ trở về với trời, đất.”

Lại nữa, cái hư vô kia, theo tông chỉ của giáo ngoại, thì chỉ ở chỗ dựa vào thân để lập hạnh, chứ chẳng ở nguyên do của thân rồi ráo. Nói muôn vật, bất luận hiện tượng bên ngoài, dù chỉ đại đạo làm căn bản, nhưng vẫn không đủ nói về nhân duyên thuận, nghịch, khởi, diệt, nhiệm, tịnh, nên người tu tập không biết là quyền, chấp cho là liễu. Nay, nêu tóm tắt mà để hỏi.

Nói: “Muôn vật đều xuất sinh từ đại đạo hư vô. Đại đạo tức là gốc của hiền, ngu, sống, chết, cơ bản của lành, dữ, họa, phước. Cơ bản đã là thường còn, thì tai họa, rối loạn, hung dữ, sự ngu đần, không thể dứt trừ. Phước, tốt đẹp hiền lành không thể làm lợi ích, đâu dùng giáo của Lão, Trang ư? Lại, đạo giáo dục cạo, sỏi thai ghen Kiệt, Trụ; yếu nhan, nhiệm họa Di Tề, đâu gọi là tôn quý? Lại, nói muôn vật đều là tự nhiên sinh hóa, chẳng phải do nhân duyên ấy, thì ra tất cả không có chỗ nhân duyên, lẽ ra đều sinh hóa, nghĩa là viên đá xanh lẽ ra sinh ra cỏ, cỏ hoặc sinh ra con người; người đẻ ra súc, v.v...? Lại, lẽ ra phải sinh không có trước, sau, há không có sớm chiều; thần tiên không nhờ đờn được; cảnh thái bình không nhờ bậc hiền lương; nhân, nghĩa không nhờ dạy bảo, tập học. Vậy thì Lão, Trang, Chu, Khổng đâu dùng lập giáo làm phép tắc khuôn phép ư?

Lại nói: “Con người, muôn vật đều từ nguyên khí sinh thành” cho nên thần bỗng nhiên sinh, chưa từng tu tập, lo nghĩ, há được con trẻ, ấy là hay yêu, ghét, kiêu căng, dung thứ, suy bụng ta ra bụng người ư?”

Nếu nói: “Bỗng nhiên có, tự nhiên là có thể tùy nghĩ nhớ, yêu, ghét v.v... ấy, thì năm đức, sáu nghề đều có thể theo ý nghĩ mà hiểu, đâu chờ đợi nhân duyên học tập mà thành?”

Lại, nếu sự sinh là do “khí bảm sinh từ tự nhiên có” ấy, thì cái chết là khí tiêu tan tự nhiên không có, thì ai là quỷ, thần ư? Vả lại, đời có soi thấu đời trước, nhớ lại sự việc trong dĩ vãng, thì biết nối tiếp nhau trước, chẳng phải do bảm thọ khí mà tự nhiên có. Lại, nghiệm xét quỷ, ma thần linh biết không dứt, thì biết sau khi chết, chẳng phải khí phân tán mà bỗng nhiên “không có”, nên việc cúng tế, cầu nguyện, sách vở có nói, hưởng chi chết mà người sống “Nói về sự việc của con đường u minh. Hoặc sau khi chết, vợ con cảm động ân oán, xưa nay đều có ư?” Người ngoài vấn nạn:

- “Nếu người chết rồi làm quỷ, thì nẻo đường bị lấp bít của quỷ xưa nay, phải có người thấy, sao không như thế?”

- Đáp: “Sáu con đường của người chết, chẳng phải đều là quỷ? Vì quỷ chết lại làm người, v.v... há từ xưa đến nay, quỷ là thường còn ư? Vả lại, khí trời đất vốn vô tri, con người bảm thọ khí vô tri, thì đâu được thốt nhiên, há có trí giác ư? Cỏ cây cũng đều bảm thọ khí, mà sao không biết? Lại nói: “Mọi sự nghèo, giàu, sang, hèn, hiền, ngu thiện, ác, lành, dữ, họa, phước đều do mạng trời” cho nên mạng là bảm tính trời cho, đâu có nghèo nhiều giàu ít, hèn nhiều, cao sang ít? Cho đến họa nhiều, phước ít. Nếu như sự nhiều, ít đó là do ở trời, thì trời là không công bằng rồi? Hưởng chi có những kẻ không làm mà vẫn cao sang, thủ phận lo làm mãi mà vẫn thấp hèn? Kẻ không có đức độ mà giàu có, người có đức hạnh mà vẫn nghèo? Kẻ ngang ngược thì tốt đẹp, có nghĩa thì hung tàn; kẻ làm nhân thì chết yểu; người hung bạo, lại sống lâu, cho đến kẻ có đạo thì mất, người không có đạo, lại thịnh vượng.

Đã nói đều do trời, trời là hưng thịnh, không là đạo mà mất đạo, đâu có sự khen thưởng phước thiện, lợi ích, khiêm nhường, sự trừng phạt tai họa dâm hại dấy dầy ư? Lại, đã là họa loạn, phản nghịch đều do mạng trời, thì bậc Thánh thiết lập giáo, sẽ quở trách con người, không trách cứ trời; tội ở vật, không tội ở mạng, là không thích hợp. Vậy thì thơ châm chích phản loại, chính trị; thơ khen ngợi đạo vua, lễ xứng với yên trí trên; Nhạc gọi gió di dời, hà là vâng mạng ý trời trên, là thuận với tâm, tạo hóa ư? Đây là đã biết người chuyên đề xướng giáo này, vẫn chưa thể hiểu được cội nguồn của con người.

THỨ HAI, BÁC BỎ SỰ NGHIÊN LỆCH, NÔNG CẠN: (người tập học thông suốt giáo nghĩa).

Phật giáo từ cạn đến sâu, lược có năm bậc:

1/ Giáo của người, trời.

2/ Giáo của Nhi, Tiểu thừa.

3/ Giáo pháp tướng của Đại thừa.

4/ Giáo pháp tướng của Đại thừa (bốn giáo trên ở trong bài này).

5/ Giáo hiển tánh của Nhất thừa (giáo này ở trong bài thứ ba).

1. Đức Phật vì người sơ tâm, giảng nói nhân quả thiện, ác, nghiệp báo của ba đời, nghĩa là tạo ra mười ác của phẩm trên; chết, sẽ đọa địa ngục, ngạ quỷ của phẩm trung; súc sinh của phẩm dưới, nên Phật lại so sánh giáo năm thường của thế gian, (về nghi thức của thế giáo ở Thiên-trúc dù khác, nhưng trừng trị cái ác, khuyến thiện thì không có khác nhau, cũng không lìa ngoài năm thường: nhân, nghĩa, v.v... mà có sự so sánh đức hạnh đáng tu. Như ở nước này nắm tay lại đưa lên, thở ra, xòe tay, rồi duỗi ra, đều là lễ) khiến giữ năm giới (không sát sinh là nhân, không trộm cắp là nghĩa, không tà dâm là lễ, không nói dối là tín, không uống rượu, ăn thịt là trí. Thần khí trong sạch, có ích cho trí, được tránh khỏi ba đường, sinh lên làm người.

Tu mười điều lành của phẩm trên và bố thí, trì giới v.v..., được sinh lên sáu tầng trời cõi dục; tu bốn thiền, tám định, sinh các tầng trời cõi Sắc, cõi Vô Sắc (trong đề không nêu trời, quỷ, địa ngục, vì giới, địa khác nhau, thấy, nghe chẳng bằng cấp, phong tục còn không biết ngọn, hưởng chi chịu nghiên cứu gốc, nên đối với giáo tục, và tiêu biểu cõi nguồn con người. Nay, vì biểu dương lý kinh Phật, nên xếp bày đủ) gọi là giáo người trời (nhưng nghiệp có ba thứ: 1/ ác; 2/ thiện; 3/ quả báo bất động. Có ba thời là: Hiện báo, sinh báo và hậu báo).

Y cứ vào giáo này, nghiệp là gốc của thân, nay thưa hỏi:

- “Đã do tạo nghiệp, thọ thân năm đường, chẳng hay ai là người đã tạo nghiệp, ai là người chịu báo? Nếu mắt, tai, chân có thể tạo nghiệp, thì người chết đầu tiên, mắt, tai, tay, chân vẫn còn y như cũ, sao không thấy, nghe, tạo tác? Nếu nói tâm tạo nghiệp thì cái gì là tâm? Nếu nói trái tim bằng thịt, thì trái tim thịt là chất trói buộc ở trong thân, làm sao nhanh chóng đi vào mắt, tai, để phân biệt bên ngoài là đúng sai? Đúng sai đã không biết, thì do đâu mà lấy, bỏ? Vả lại, tim với mắt, tai, tay, chân, đều là chất ngại, há được vận động thông nhau trong, ngoài, lẽ ra tiếp đồng với duyên tạo nghiệp?

Nếu nói chỉ là “sự mừng giận, yêu, ghét phát động ra thân, miệng, khiến cho tạo nghiệp” ấy, thì tình cảm mừng, giận, v.v... chợt khởi, chợt diệt, tự không có “tự thể” của chúng, thì dùng cái gì làm chủ mà tạo nghiệp ư? Nếu nói không nên, thì như tìm tòi cái riêng, này, đều là thân, tâm này của ta, là chủ thể tạo nghiệp ấy, khi thân này đã chết, ai sẽ chịu

quả báo khổ, vui?

- Nếu nói sau khi chết, lại có thân thì há đã có thân, tâm ngày nay đang tạo tội, tu phước? Khiến cho thân tâm đời sau của người khác chịu khổ, hưởng vui?

Y cứ theo đây, thì người tu phước, lấm khuất phước, kẻ tạo tội, lấm may mắn, làm sao lý thần như thế sẽ không có đạo, nên biết chỉ người tu tập giáo này dù tin nghiệp duyên cũng không đạt gốc của thân.

2. Giáo của Tiểu thừa, Nhị thừa, nói sắc của hình hài, với tâm suy nghĩ, từ vô thủy đến nay, vì năng lực nhân duyên, nên niệm niệm sinh diệt, nối nhau vô cùng, như dòng nước nhỏ, như lửa đèn yếu ớt, thân, tâm giả hợp dường như “một”, dường như thường. Phàm ngu chẳng giác chấp cho là “ngã”, vì quý trọng cái “ngã” này, nên liền nổi ba độc tham (tham danh, lợi để tôn vinh cho ngã) giận (trái với tình cảnh, e xâm hại ngã); ngu si v.v... (so sánh chấp phi lý). Ba độc kích động ý, phát động thân, miệng, gây ra tất cả nghiệp vì nghiệp trở thành khó trốn tránh, nên chịu thân khổ, vui, v.v... năm đường (bị cảm bởi nghiệp riêng). Xứ hơn, kém, v.v... của ba cõi (bị cảm bởi nghiệp chung). Đối với thân đã thọ, lại chấp là “ngã”, lại khởi tham, v.v... tạo nghiệp chịu báo. Nhân thì sinh, già, bệnh, chết; chết mà lại sống. Cõi thì thành, trụ, hoại, không. “Không” mà lại thành (từ kiếp “không”, mới thành thế giới. Bài tụng nói:

*“Cõi không, gió lớn nổi.
Sổ rộng cạnh vô lượng.
Đầy mười sáu lạc-xoa.
Kim cương không thể hoại.
Đây gọi gió giữ giới.
Mây Quang Âm kim tạng.
Che khắp cõi Tam thiên.
Mưa tuôn như trục xe.
Gió ngăn không cho chảy.
Sâu mười một lạc-xoa.
Tạo ra Kim cương giới,
Thứ tự mây Kim tạng.
Rớt mưa đầy trong đó.
Trước thành cõi Phạm Vương.
Cho đến trời Dạ-ma.
Gió vỡ nước trong thành.
Tu-di bảy báu vàng.*

Cặn đục là đất núi.
 Bốn châu và nê lê.
 Biển mặn ngoài Luân vi.
 Mới gọi khí giới lập.
 Thời gian một tầng giảm.
 Cho đến phước Nhị thiên.
 Tận dưới sinh nhân gian.
 Đầu tiên, ăn bánh đất,
 Sau ăn lúa không tiêu.
 Đại, tiểu tiện lợi,
 Nam, nữ thân riêng,
 Chia ruộng, lập chủ, tìm quan giúp.
 Các thứ khác nhau.
 Qua mười chín tầng, giảm.

Gồm chung trước hai mươi tầng giảm

Gọi là kiếp Thành.

Bàn rằng: Trong kiếp không giới

Giáo đạo này dạy rằng:

Đạo hư vô.

Nhưng thể đạo vắng lặng, soi rọi linh thông,

Chẳng phải hư vô, họ lão đều mê

Hoặc quyền thiết lập:

Mục đích là đục của con người

Nên chỉ cõi không là đạo

Trong cõi không gió lớn

Tức một khí lẫn lộn kia

Nên già chết kia rằng, đạo sinh một.

Nói về mây kim tạng,

Bắt đầu của hình khí, tức Thái cực

Mưa rơi không chảy

Khí âm bất động, âm dương hòa hợp

Mới sinh thành được

Cõi Phạm vương, cho đến Tu-di,

Cõi đó là trời

Cặn bã đục, ấy là đất, tức một sinh hai

Nhị thiên phước hết, sinh xuống làm người

Tức hai sinh ba, ba tài đầy đủ

Bánh đất trở xuống, cho đến các thứ,

Tức ba sinh muôn vật.
 Đây chính là ba hạt bụi trước kia
 Khi còn ăn lông ở lỗ, chưa có lửa nấu chín
 Chỉ vì thời kỳ đó chưa có văn tự
 Để ghi chép.
 Người sau truyền lại không rõ ràng,
 Lẫn lộn sai lầm.
 Các nhà biên soạn các thuyết khác nhau.
 Phật giáo lại duyên chung với
 Thế giới Tam thiên. Vì không hạn cuộc thời Đại Đường
 Nên văn của giáo nội, ngoại không hoàn toàn đồng nhau.
 Trụ: Là kiếp Trụ, cũng trải qua hai mươi lần tăng giảm
 Hoại: Là kiếp Hoại, cũng hai mươi lần tăng giảm
 Mười chín lần tăng giảm trước, hoại hữu tình
 Một lần tăng, giảm sau, hoại khí thế giới
 Chủ thể hoại: là ba tai: Nước, lửa, gió
 Không: là không có thế giới và các hữu tình).

Kiếp kiếp đời đời, luân hồi không dứt; vô chung vô thủy như mức
 vầng trăng trong giếng (đạo giáo chỉ biết thế giới này hiện nay khi chưa
 thành, một phen vượt qua kiếp Không. Rằng, hư vô, lẫn lộn một khí
 v.v... gọi là vô thủy, chẳng biết cõi không về trước, đã sớm trải qua ngàn
 ngàn, muôn muôn lần thành, trụ, hoại, không, chung mà lại thủy, nên biết
 rằng, giáo cạn thấp của Tiểu thừa trong pháp Phật giáo, đã vượt hơn
 thuyết sâu sâu của sách ngoại) đều do không rõ thân này vốn không
 phải là ta. Không là ta nghĩa thân này vốn nhân sắc, tâm hòa hợp làm
 tướng. Nay, tìm tòi, phân tích: Sắc có bốn đại: đất, nước, lửa, gió. Tâm
 có bốn uẩn: thọ (chủ thể lạnh nạt việc ưa ác), tưởng (chủ thể lấy tượng),
 hành (chủ thể tạo tác, niệm, niệm đời đổi trôi lăn), thức (chủ thể rõ
 biết). Nếu đều là “ta” thì sẽ thành tám “tà”, hướng chi trong địa đại lại
 có rất nhiều, gọi là ba trăm sáu mươi đoạn xương. Mỗi đoạn xương đều
 riêng. Da, lông, gân, thịt, gan, tim, tỳ, thận đều không phải là nhau. Các
 tâm sở v.v... cũng đều khác nhau. Thấy không là nghe; mừng không
 là giận, lẫn lộn cho đến tám mươi bốn ngàn trần lao. Đã có rất nhiều
 vật này, chẳng biết nhất định lấy cái gì làm “ngã”. Nếu đều là “ngã”,
 thì “ngã” tức một trăm, ngàn. Nhiều chủ rối loạn trong một thân. Rời
 thân này thì không còn có pháp riêng. Trái lại, tìm cái “ta” đều không
 thật có, tức là tổ ngộ thân này chỉ là mọi duyên, giống như tướng hòa
 hợp, vốn không có “ta”, người, vì ai tham, giận, vì ai sát, trộm, thí, giới

(biết khổ đế), nên không dính mắc tâm ở thiện, ác hữu lậu ba cõi (đoạn tập đế) chỉ tu trí quán vô ngã (Đạo đế) lấy dứt tham, v.v..., dứt hết các nghiệp, chứng đắc chân như ngã “không” (diệt đế) cho đến được quả A-la-hán, nguội thân bất trí mới dứt các khổ.

Y cứ vào tông này, dùng hai pháp sắc, tâm và tham, giận, si, làm gốc của căn thân, khí giới. Quá khứ, vị lai lại không có pháp riêng làm gốc. Nay thưa hỏi:

- “Nói về trải qua sự sinh nhiều đời là gốc của thân, tự thể không có dứt quãng. Nay, năm thức thiếu duyên không khởi (căn cảnh v.v... làm duyên). Ý thức có lúc không hiện hành (ngất xỉu, ngủ nghỉ, định diệt tận, định vô tướng, trời vô tướng).

Các tầng trời cõi Vô Sắc không có bốn đại này. Làm sao giữ được thân này. Đời đời không dứt, là biết người chuyên giáo này cũng chưa nguyên thân.

3. Giáo pháp tướng của Đại thừa: Nói tất cả hữu tình từ vô thủy đến nay, pháp nhĩ có tám thứ thức, trong đó, thức A-lại-da thứ tám là căn bản của các thức kia, biến đổi ngay hạt giống của căn thân khí giới, chuyển sinh bảy thức, đều có thể biến hiện, tự thay đổi ư? Nghĩa là vì năng lực huân tập phân biệt của ngã, pháp, nên khi các thức sinh biến dưỡng như ngã pháp. Thức thứ sáu, bảy bị vô minh che lấp, nên “duyên” ngã, pháp này chấp là thật ngã, thật pháp, như bệnh, (bệnh nặng, tâm thấy sắc, người, vật khác) mộng, (thấy do mộng tưởng, có thể biết: Vì năng lực mộng, bệnh tật, nên tâm dưỡng như các thức tướng của cảnh ngoài hiển ra. Lúc nằm mộng, chấp là có thật vật bên ngoài; khi thức giấc mới biết chỉ do mộng biến ra, thân ta cũng vậy, chỉ do thức biến, vì mê, nên chấp có “ngã” và các cảnh. Do chấp này mà khởi “hoặc” tạo nghiệp, sống chết không cùng tận (rộng như trước đã nói). Tổ ngộ lý này, mới hết được thân ta chỉ do thức biến hiện; thức là cơ bản của thân (về nghĩa không rõ, sẽ phá bỏ như sau):

4. Giáo phá bỏ tướng của Đại thừa: Đã phá chấp pháp tướng của Đại thừa, Tiểu thừa, biểu thị rõ bí mật lý của “không” vắng lặng của chân tánh sau (bàn về đả phá bỏ tướng, không chỉ các bộ Bát-nhã, vượt qua kinh Đại thừa. Ba giáo trước kia y theo thứ lớp trước, sau. Giáo này theo chấp tức thì phá bỏ. Vì thời tiết chẳng có nhất định, nên Long Thọ lập hai thứ Bát-nhã:

1/ Chung.

2/ Không chung.

Chung: Nhị thừa đồng nghe, tín hiểu; vì phá bỏ chấp pháp của Nhị

thừa.

Không chung: chỉ có Bồ-tát hiểu, vì bí mật làm sáng tỏ Phật tánh, nên hai luận sư Trí Quang, Giới Hiền, quả Thiên-trúc đều lập ba thời giáo, thì thời giáo “không” này; hoặc nói rằng, trước pháp tướng Duy thức, hoặc nói ở sau. Nay, ý lấy sau) sắp muốn phá bỏ:

Trước hết vắn hỏi rằng:

- “Cảnh đối tượng biến đã giả dối (vọng), thì thức, chủ thể biến đâu phải chân? Nếu nói một có, một không có (dưới đây sẽ dùng dụ kia để phá) thì mộng tưởng với vật thể đã trông thấy lẽ ra phải khác, mà đã khác, thì tất nhiên, mộng sẽ không là vật thể, vật thể chẳng phải mộng. Đến khi thức tỉnh rồi thì mong diệt mất, vật thể ấy lẽ ra tồn tại: Lại, nếu vật thể chẳng phải mộng thì lẽ ra là vật chân thật; nếu mộng chẳng phải vật thể thì lấy gì làm tướng? Nên biết rằng, khi nằm mộng, thì tưởng mộng, vật thể mộng giống nhau; khác nhau giữa chủ thể thấy, đối tượng thấy. Cứ theo lý, thì đồng một luống dối, đều không có cái có (sở hữu); các thức cũng như vậy, vì đều nương gá mọi duyên, vì chẳng có tự tánh, nên luận Trung Quán nói: “Không hề có một pháp nào chẳng từ nhân duyên sinh. Cho nên, tất cả pháp đều là “không”.” Lại nói: “Pháp do nhân duyên sinh, ta nói tức là “không”.”

Luận Khởi Tín nói: “Tất cả các pháp chỉ dựa vào vọng niệm mà có khác nhau. Nếu lìa niệm thì sẽ không có tất cả tướng cảnh giới.”

Kinh nói: “Hễ cái gì có tướng đều là luống dối; lìa bỏ tất cả tướng, gọi là chư Phật” (văn như đây, v.v... đủ trong tạng Đại thừa) là biết tâm, cảnh đều “không”, mới là thật lý của Đại thừa. Nếu y cứ vào nguyên thân này, thì thân vốn “không”, “không” tức là gốc. Nay, lại thừa hỏi giáo này rằng:

- “Nếu tâm, cảnh đều “không”, thì người nhận biết “không” ấy là ai? Lại, nếu chẳng có pháp thật, thì sẽ y cứ vào đâu để nói lên các luống dối? Vả lại, hiện đang thấy vật luống dối của thế gian, chưa có vật nào chẳng dựa vào pháp thật mà khởi được, chẳng hạn nếu không có nước không thay đổi của tánh ẩm ướt, thì đâu có sóng của tướng luống dối?”

- “Nếu không có tịnh, thì nói gương không thay đổi, đâu có các thứ ảnh luống dối. Lại, trước đã nói tưởng mộng, cảnh mộng đồng luống dối ấy, thật như đã nói, nhưng mộng của luống dối này, tất nhiên, dựa vào người ngủ say. Nay, tâm cảnh đều “không”, chẳng hay mộng ấy đã dựa vào đâu mà vọng hiện? Nên biết giáo này chỉ đả phá bỏ chấp tình, cũng chưa nói làm sáng tỏ tánh của chân linh, nên kinh Pháp Cổ nói: “Tất cả “không”, trải qua là nói hữu dư (hữu dư là nghĩa “dư” chưa liễu”. Kinh

Đại Phẩm nói: ““Không” là môn đầu tiên của Đại thừa. Bốn giáo trên, lần lượt so sánh với nhau, trước cạn, sau sâu. Nếu tu tập, thì biết chưa rõ, gọi là nông cạn. Nếu chấp là rõ, thì vì tức gọi là nghiêng lệch, nên y cứ vào người tu tập, nói là nghiêng lệch, nông cạn.

THỨ BA, TRỰC TIẾP LÀM SÁNG TỎ CHÂN NGUYÊN THẬT GIÁO LIỄU NGHĨA CỦA PHẬT :

5. Giáo hiển tánh của Nhất thừa: Nói tất cả hữu tình đều có chân tâm bản giác. Từ vô thủy đến nay, thường trụ thanh tịnh, sáng suốt không tối tăm, rõ rõ thường biết, cũng gọi là Phật tánh, cũng gọi là Như Lai tạng. Từ mé vô thủy, đã bị che mờ bởi tư tưởng luống dối, mà không tự hay biết, chỉ vì nhận chất phàm, nên ham vui, dính mắc kiết nghiệp, chịu khổ sinh tử. Đấng Đại giác thương xót chúng sinh nói tất cả đều “không”. Lại, chỉ bày chân tâm linh giáo thanh tịnh hoàn toàn đồng với chư Phật, nên kinh Hoa Nghiêm nói: “Phật tử! Không có một chúng sinh nào chẳng có đủ mà chẳng chứng đắc. Nếu lìa bỏ tưởng vọng thì trí Nhất thiết, trí tự nhiên, trí vô ngại sẽ được hiện tiền. Ấy là nêu một hạt bụi chứa đựng hai thiên hạt bụi, dụ cho kinh điển, hướng chỉ chúng sinh”: Kinh so sánh với trí Phật. Tiếp theo sau, lại nói: “Lúc bấy giờ, Như Lai quán tất cả chúng sinh khắp pháp giới mà nói lên lời này: “Lạ thay! lạ thay! Các chúng sinh này vì sao có đủ trí tuệ Như Lai, mà mê “hoặc” không nhận thấy. Ta sẽ dùng đạo Thánh để giáo hóa họ, sao cho họ hẵn lìa tưởng luống dối, tự ở trong thân mình, được thấy trí tuệ rộng lớn của Như Lai, không khác với Phật”.”

Bình luận: Trải qua nhiều kiếp, chúng ta chưa gặp được tông chân, không hiểu, trái lại nguyên thân của mình, chỉ chấp tưởng luống dối, cam nhìn nhận là phàm phu thấp hèn, hoặc súc vật, hoặc con người. Nay, y cứ vào chí giáo, mới giác biết mình xưa nay là Phật, nên phải hạnh y theo hạnh Phật, tâm hợp với tâm Phật, trái với gốc trở lại nguồn, dứt trừ tập phàm, tổn hại, lại tổn hại thói quen của phàm ngu, để tiến đến vô vi, tự nhiên ứng dụng như cát sông Hằng, gọi là Phật. Phải biết rằng, mê ngộ đồng một chân tâm. Thật là vĩ đại! Diệu môn Nguyên nhân, đến đây (nhưng Phật nói năm giáo trước hoặc tiệm, hoặc đốn; nếu có căn cơ trung, hạ, thì giảng giải từ cạn đến sâu, dần dần giáo dụ, dần dần: Trước hết, nói giáo ban đầu khiến cho lìa ác, bám trụ pháp lành. Tiếp theo, là giảng nói hai, ba sao cho lìa nhiễm, trụ tịnh; sau, bàn bạc về bốn, năm, phá tướng, bày tánh, hội quyền, quy thật, y chỉ thật giáo hóa tu, cho đến thành Phật. Nếu là người trí căn phẩm thượng thượng,

thì từ gốc đến ngọn, nghĩa là đầu tiên, ấy là y chỉ cho thứ năm chỉ bày tức khắc thể của một chân tâm. Thể tâm đã sáng tỏ; tự hay biết tất cả đều là luống dối, xưa nay là “không” vắng lặng, chỉ vì mê, nên gá vào chân mà khởi, cần phải dùng trí ngộ chân, để dứt ác, tu thiện; tu thiện, dứt vọng, quy chân; vọng tận, chân viên, đây gọi pháp thân Phật”.

THỨ TƯ, HỘI THÔNG GỐC NGỌN : (hội nhập đối tượng bác bỏ ở trước, đồng về một nguồn, đều là chánh nghĩa).

Chân tánh dù là gốc của thân sinh khởi, bởi vì có nhân do, không thể không có nguyên nhân, bỗng nhiên thành thân tướng, chỉ “duyên” pháp chưa rõ của tông trước, cho nên từng tiết một bác bỏ. Nay, tìm gốc, ngọn để hội thông, cho đến đạo Nho cũng vậy (Đầu tiên, chỉ cho giáo của tánh thứ năm đã nói; từ đoạn sau trở đi, từng tiết, mới đồng với các giáo, đều như chú thích đã nói đầu tiên, chỉ một tánh chân linh bất sinh, bất diệt, không thêm, không bớt, không thay đổi, không xê dịch. Chúng sinh từ vô thủy đến nay, đã ngủ mê không tự giác; vì che lấp, nên gọi là Như Lai tạng. Vì y chỉ Như Lai tạng, nên có tướng của tâm sinh diệt (từ đây, nói là giáo thứ tư, cũng đồng phá bỏ các tướng sinh diệt này), cái gọi là chân tâm bất sinh diệt, hòa hợp với vọng tướng sinh, diệt chẳng phải một, chẳng phải khác, gọi là thức A-lại-da. Thức này có hai nghĩa: Giác, bất giác (dưới đây mới là trong giáo tướng thứ ba, cũng đồng với thuyết nói ở đây) vì dựa vào bất giác, nên niệm dao động đầu tiên gọi là tướng nghiệp. Lại, vì không hay biết niệm này vốn “không”, nên chuyển biến thành thức, chủ thể thấy và tướng cảnh giới, đối tượng thấy hiện ra. Lại, không hay biết cảnh này từ vọng tâm mình hiện ra, chấp là nhất định có, gọi là chấp pháp (dưới đây mới là trong giáo Tiểu thừa thứ hai, cũng đồng với thuyết đã nói). Vì các chấp này, nên mới nhận thấy sự khác nhau giữa mình, người, ấy là thành ngã chấp. Vì chấp tướng của “ngã” nên tham ái các cảnh thuận tình, muốn dùng thắm nhuần “ngã”, tức giận chê bai các cảnh trái với tâm, e tổn não nhau; tình ngu si lần lượt lớn thêm, (dưới đây mới là trong giáo người, trời thứ nhất, cũng đồng với thuyết đã nói) nên tâm thần sát, trộm, v.v... do nghiệp ác này, sẽ đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh v.v...

Lại nữa, có người sợ nổi khổ này; hoặc người tánh thiện, với tâm thần thực hành bố thí, trì giới v.v... nhờ nghiệp lành này vận chuyển trung ấm vào trong thai mẹ (dưới đây, mới là hai giáo của đạo Nho cũng đồng với thuyết đã nói), bầm khí thọ chất (hội nhập thuyết đã nói dùng khí làm gốc). Khí thì đủ tức khắc bốn đại, hình thành dần các căn. Tâm

thì đủ ngay bốn uẩn, hình thành dần các thức.

Khi đủ mười tháng sinh ra, gọi là con người, tức ta, v.v... hiện nay, là thân, tâm. Nên biết thân, tâm đều có gốc kia. Hai loại hòa hợp mới thành một con người.

Các vị trời, Tu-la v.v... rất đồng với ở đây, nhưng dù nhân “dẫn nghiệp” được thọ thân này. Lại do “mãn nghiệp”, nên sang, hèn, nghèo, giàu, sống lâu, chết yếu, bệnh hoạn, mạnh khỏe, thịnh, suy, khổ, vui, v.v... nghĩa là đời trước, cung kính, ngạo mạn làm nhân, nay là quả sang hèn, mỗi thứ báo khác nhau như: Làm việc nhân, thì được sống lâu; sát sinh thì chết yếu; bố thí thì sẽ được giàu có; keo kiệt sẽ nghèo, không thể nói ra đủ; là vì thân này, hoặc có kẻ không làm ác mà tự mang tai họa; có kẻ không thực hành việc lành, mà tự được phước; ăn ở bất nhân mà lại sống lâu; người không sát sinh mà chết yếu, v.v..., đều là vì mãn nghiệp của đời trước đã quyết định, nên đời này, không đồng với việc đã làm, mà tự nhiên như vậy. Các học giả ngoại đạo không biết đời trước, chỉ vì y cứ mắt nhìn thấy, chỉ chấp tự nhiên (hội với thuyết kia đã nói tự nhiên là gốc).

Lại nữa, lại có người trẻ mà tu điều lành; người già mà làm ác; hoặc trẻ làm ác, già tạo nên việc lành, nên đời nay, tuổi trẻ giàu sang nhỏ mà vui; người già rất nghèo hèn, người học ngoài không biết chỉ chấp, sở dĩ không giàu có là do thời vận (hội đã được bẩm thọ, lần lượt tìm tòi gốc, tức nguyên khí lẫn lộn thành một; tâm đã khởi, lần lượt cùng tận nguồn, tức tâm linh của chân một; nói một cách xác thực, thì chẳng có pháp nào riêng ngoài tâm. Nguyên khí cũng từ tâm mà biến hóa ra, thuộc về tướng phần của A-lại-da. Từ tướng phần của một nghiệp niệm, đầu tiên là hai: Tâm và cảnh. Tâm đã từ tế đến thô, lần lượt chấp vọng, cho đến tạo nghiệp (như trước đã nêu, xếp đặt); cảnh cũng từ cực vi cho đến rõ ràng, lần lượt biến chuyển sinh khởi, cho đến trời đất (tức cảnh kia bắt đầu từ năm lớp Thái dịch, vận chuyển cho đến Thái cực; Thái cực sinh ra lưỡng nghi. Thuyết kia nói đại đạo tự nhiên. Như chân tánh nói ở đây, thật ra chỉ là một niệm kiến phần, chủ thể biến (năng biến). Thuyết kia nói: “Nguyên khí, một niệm như thế, chuyển động đầu tiên, thật ra chỉ là tướng của cảnh giới). Nghiệp đã thành thực, tức bẩm thọ hai khí từ cha, mẹ hòa hợp nghiệp thức, thành tự thân người. Y cứ vào đây thì cảnh được biến hiện bởi tâm thức, mới thành hai phần: Một phần tức hòa hợp với tâm thức thành con người; còn một phần không hòa hợp với tâm thức, tức là thành trời, đất, núi sông, nước, áp. Trong ba tài chỉ có con người là linh thiêng, do hợp với tâm thân.

Phật nói: “Bốn đại bên trong chẳng đồng với bốn đại bên ngoài, chính là ở đây.”

Thương thay! Học ít chấp khác ngọn ngang! Truyền đạt ngữ đạo, người muốn thành Phật, tất nhiên phải sáng suốt gốc ngọn, thô tế, mới bỏ ngọn về gốc, soi chiếu trở lại nguồn tâm, thô hết, tế trừ, tánh linh hiện rõ, chẳng có pháp nào không đạt, gọi pháp thân, báo thân tự nhiên ứng hiện vô cùng, gọi là hóa thân Phật.



LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 165

HỌA ĐỒ
PHÁP GIỚI NHẤT THỪA
HOA NGHIÊM
& PHÁP GIỚI ĐỒ KÝ
TÙNG TỬ LỤC

SỐ 1868
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1887

HỌA ĐỒ PHÁP GIỚI NHẤT THỪA HOA NGHIÊM

Thiện giáo của bậc đại Thánh là vô phương, ứng cơ thuận theo chứng bệnh chẳng phải một. Người mê, giữ dấu vết, không biết mất thể, siêng năng mà quy tông, vì chưa nói nên y chỉ lý, y cứ giáo, lược chế hàn thi, mong người học dùng chấp danh trở về nguồn chân vô danh. Phương pháp đọc thi, nên từ trong pháp làm đầu, phần nhiều trở về chỗ gút mắc cho đến Phật là sau cùng. Đọc theo đường in gồm năm mươi bốn góc, hai trăm mười chữ.

Nhất – vi – trần – trung – hàm – thập, sơ phát – tâm – thời – tiện – chánh - giác – sinh – tử nhất lượng – vô – thị – tức phương thành ích – bửu – vũ – nghị – tư – bất – ý niết tức kiếp viễn – kiếp niệm nhất biệt sinh Phật thiện hiền – đại – nhân như bàn đa cửu lượng tức nhất thiết chướng mãn thập hải – nhân – năng – cảnh xuất thường thiết thế vô nhất – niệm trần loạn hư biệt ấn, tam – muội – trung – phiền cộng nhất thập nhị – như – diệt – trung tạp khởi phân – vô – nhiên – minh – sự – lý – hòa, tức thế – hõ – tướng – tức – hung - bất chúng – sinh – tùy – khí – đắc – lợi – ích – thị nhất tướng – nhị – vô – dung – viên – tánh pháp phả tế – bốn – hoàn – giả – hạnh – cố nhất chư trí – sở – tri – phi – dư Phật tức tận bửu – trang – nghiêm – pháp – giới trung pháp chứng thậm – tánh – chân – cảnh vì vong vô tùy – gia – quy ý thật đa bất thiết thâm – cực – vi diệu danh tướng ni phần – đắc – tư như bảo thiết động nhất – tuyệt – tướng – vô bất cần tất la – đà – dĩ – lương tróc điện nhất bốn – lai – tịch – vô – danh thủ bất bất – đắc vô – duyên – thiện – xảo cùng trùng nhất – thành – duyên – tùy – tánh – tự lai – cự – sàng – đạo

– trung – tế- thật – tọa.

Muốn giải thích văn có chia ra hai môn:

1. Giải thích chung ý nghĩa của ấn.
2. Giải thích riêng tướng ấn.

Hỏi: Vì sao y chỉ ấn?

Đáp: Vì muốn nói lên thị ba thứ thế gian thuộc về cương lĩnh giáo của Thích-ca Như Lai. Từ tam-muội Hải ấn, vì phần nhiều xuất hiện rõ ràng, gọi là ba thứ thế gian, đó là:

1. Khí thế gian.
2. Chúng sinh thế gian.
3. Trí chánh giác thế gian.

Trí chánh giác là Phật, Bồ-tát. Vì ba thứ thế gian thu giữ hết, nên không giải thích khác. Nghĩa rộng, như kinh Hoa Nghiêm nói.

Thứ hai, trong môn tướng riêng, có chia ra ba môn:

1. Nói tướng văn ấn.
2. Nói về tướng chữ.
3. Giải thích ý văn.

1. Nói tướng văn ấn.

Hỏi: Vì sao văn ấn chỉ có một đường?

Đáp: Vì nói lên một âm của Như Lai, gọi là một phương tiện tốt đẹp, khéo léo

Hỏi: Vì sao có nhiều đường quanh co, uốn khúc quay về?

Đáp: Vì thuận theo căn cơ mong muốn của chúng sinh khác nhau, cho nên có giáo ba thừa.

Hỏi: Vì sao một đường không có đầu, cuối?

Đáp: Vì nói rõ sự tốt đẹp, khéo léo vô phương, thích ứng với pháp giới, vì mười đời tương ứng với viên dung đầy đủ, tức là nghĩa đối xứng với Viên giáo.

Vì sao có bốn mặt bốn góc?

Vì nói rõ bốn nhiếp, bốn vô lượng. Nghĩa này y cứ vào ba thừa, nhằm làm sáng tỏ Nhất thừa, tướng ấn như thế.

2. Nói về tướng chữ.

Hỏi: Vì sao trong chữ có đầu cuối?

Đáp: Vì y cứ vào mặt tu hành, nhằm nói rõ nhân quả khác nhau.

Hỏi: Vì sao trong chữ có nhiều quanh co, gút mắt?

Đáp: Vì nói rõ căn dục của ba thừa khác nhau.

Hỏi: Vì sao hai chữ đầu cuối an trí ở giữa?

Đáp: Vì nói lên dụng đức chân thật trong nhà pháp tánh của hai vị

nhân quả, vì tánh ở Trung đạo, nên tướng chữ như thế.

Hỏi: Trên đã nói rằng, nhân quả khác nhau: Đức Phật của một nhà, tánh ở Trung đạo, chưa biết lý do, nghĩa ấy ra sao?

Đáp: Nghĩa này thật ra khó hiểu. Tuy nhiên, theo luận chủ Thiên Thân, dùng phương tiện của sáu tướng lập nghĩa phân chia xếp đặt đồng đều, y cứ đạo lý của nghĩa, tùy sự phân chia có thể hiểu. Nếu y cứ mười câu để giải thích sáu tướng thì như dưới đây sẽ nói. Nay, y cứ vào ấn tướng để nói về sáu tướng, nhằm bảo cho biết Nhất thừa, Ba thừa, chủ, bạn thành nhau, giới hạn phạm vi của hiện pháp.

Cái gọi là sáu tướng là tướng chung, tướng riêng, tướng đồng, tướng khác, tướng thành, tướng hoại.

Tướng chung: là ấn căn bản.

Tướng riêng: các tướng cong vạy khác. Riêng y chỉ ấn, vì đây ấn kia.

Tướng đồng: Vì ấn, cái gọi là cong vạy riêng mà vì ấn đồng.

Tướng khác: là tướng tăng, cái gọi là vì an trí sự cong vạy tăng riêng.

Tướng thành: Vì nói giản lược. Cái gọi là vì thành ấn.

Tướng hoại: Vì nói rộng, cái gọi là quanh co, cong vạy trở về nhiều, đều vì tự xưa nay không tạo tác, nên tất cả pháp duyên sinh đều do sáu tướng thành, cái gọi là tướng chung, nghĩa đối xứng với Viên giáo.

Tướng riêng: Nghĩa đối xứng với giáo ba thừa, như tướng chung, tướng riêng, tướng thành, tướng hoại, không tức, không lìa, không phải một, không phải khác, thường trụ ở Trung đạo. Nhất thừa, Ba thừa cũng giống như thế. Chủ, bạn giúp đỡ với nhau, không tương tức, không lìa, không một, không khác. Mặc dù lợi ích chúng sinh mà chỉ ở Trung đạo, chủ, bạn thành nhau.

Làm sáng tỏ pháp như thế, biệt giáo của Nhất thừa, biệt giáo của Ba thừa, so sánh nghĩa có thể hiểu.

Ông đã nghi vấn, nghĩa cũng như thế. Đầu tiên, là sự cong vạy như nhân, cho đến sự cong vạy sau như quả. Như trước và sau không đồng mà chỉ ở ngay chính giữa. Dù nghĩa nhân quả riêng lẻ nhưng chỉ ở tự như. Vì y chỉ môn giáo phương tiện của Ba thừa, nên cao thấp khác nhau. Vì y chỉ Viên giáo Nhất thừa nên chẳng có trước, sau.

Sở dĩ biết được là vì như Kinh nói: Lại, tất cả Bồ-tát không thể suy nghĩ, bàn luận pháp của chư Phật, vì nói sao cho nhập địa trí tuệ.

Luận nói: Tất cả vị Bồ-tát tức là trụ địa tín, hạnh không thể suy

ngĩ, bàn luận pháp của chư Phật, là phẩm xuất thế gian đạo. Minh nghĩa là kiến trí được chứng. Thuyết, nghĩa là phân biệt ở giữa. Nhập, nghĩa là tin, ưa được chứng. Địa trí tuệ, tức là trí Thập địa. Như trong phần bốn nói, đây là nhập căn bản. Như Kinh nói: Lại, tất cả Bồ-tát không thể suy nghĩ bàn luận pháp của chư Phật, vì nói khiến nhập địa trí tuệ. Trong Tu-đa-la này nói dựa vào nhập căn bản, có chín thứ nhập:

1. Nhiếp nhập, vì trong văn tuệ, thu giữ tất cả gốc lành, như kinh thu giữ tất cả gốc lành.

2. Suy nghĩ, bàn luận nhập: suy nghĩ bàn luận đối với tất cả phẩm đạo, vì phương tiện trí, như kinh nói: Khéo phân biệt lựa chọn tất cả pháp Phật.

3. Pháp tướng nhập, trong các nghĩa kia, vì vô lượng các thứ trí, nên như kinh nói: Vì biết rộng các pháp.

4. Giáo hóa nhập, thuận theo nghĩa đã suy nghĩ, danh tự đầy đủ, vì khéo nói pháp, như kinh nói: Vì khéo nói các pháp.

5. Chứng nhập, trí bình đẳng đối với tất cả pháp, vì khéo thanh tịnh trong lúc kiến đạo, như kinh nói: Vì trí vô phân biệt thanh tịnh không lìa, Bồ-tát giáo hóa chúng sinh, tức là tự thành pháp Phật, nên lợi người khác cũng là lợi mình.

6. Không buông lung nhập: trong thời gian tu đạo, xa lìa tất cả chướng Bồ-đề, như kinh nói: Vì tất cả pháp mà không thể nhiễm.

7. Địa địa chuyển nhập, vì gốc lành thanh tịnh như vô tham, v.v... của phẩm xuất thế gian đạo, như kinh nói: Vì gốc lành thanh tịnh của pháp xuất thế gian.

Lại nữa, có gốc lành vì có thể là nhân của phẩm xuất thế gian đạo.

8. Bồ-tát tận nhập, ở địa thứ mười, vì nhập tất cả trí bí mật của Như Lai, như kinh nói: Vì được cảnh giới không thể suy nghĩ, bàn luận.

9. Phật tận nhập, vì trí nhập đối với tất cả người trí, như kinh nói: Cho đến được trí của tất cả người trí, vì cảnh giới trí là các nhập là nghĩa khác nhau của trí so sánh, suy lường. Theo thứ lớp, chuyển vận trội hơn, không phải căn bản nhập. Tất cả đã nói trong mười câu, đều có sáu thứ môn tướng khác nhau.

Lời nói này là giải thích, nên biết là trừ sự.

Sự: Nghĩa là ấm, giới, nhập.

Sáu tướng khác nhau là: Tướng chung, tướng riêng, tướng đồng, tướng khác, tướng thành, tướng hoại.

Tướng chung là căn bản của nhập.

Tướng riêng, trừ chín y chỉ riêng bốn trên, vì đầy gốc kia.
 Tướng đồng, là nhập.
 Tướng khác, là tướng tăng.
 Tướng thành, vì nói giản lược.
 Tướng hoại, vì nói rộng.

Như vì thế giới thành, hoại nên tất cả mười câu khác, thuận theo nghĩa so sánh để biết.

Văn luận như thế, chỉ là đạo lý lập tông của luận chỉ, nên biết dù nhân quả, tín giải hạnh, trở về địa, bất động, tự vị của Phật, mà chẳng có trước, sau. Vì sao? Vì các pháp đều khác, vì trụ tự như, nên một như, nhiều như, như như, vì tướng chẳng thật có, nên kinh nói: Hỏi: Thế nào là tin sâu Phật pháp? Đáp: Tất cả các pháp, chỉ là sở tri của Phật, chẳng phải cảnh giới của ta. Nếu như thế gọi là tin sâu Phật pháp, là nghĩa kia.

Hỏi: Sáu tướng để biểu thị rõ nghĩa gì?

Đáp: Biểu thị rõ lý vô phân biệt của duyên khởi, vì nghĩa của sáu tướng này, nên phải biết dù bảy chỗ, tám hội của một bộ kinh và phẩm loại khác nhau mà chỉ ở phẩm địa. Vì sao? Vì là căn bản thu giữ pháp cùng tận, nên trong phẩm địa dù mười địa khác nhau, nhưng chỉ ở Sơ địa. Vì sao? Vì không khởi một địa thu giữ khắp tất cả công đức của các địa, nên trong một địa dù phần nhiều khác nhau, mà chỉ ở một niệm. Vì sao? Vì ba đời, chín đời tức một niệm, vì tất cả tức một, nên như một niệm, nhiều niệm cũng như thế, một tức tất cả, một niệm tức nhiều niệm, trái với trước là đúng.

Vì do lý này nên chủ, bạn của pháp Đà la ni thành nhau, thuận theo nêu một pháp đều thu giữ tất cả. Nếu y cứ hội thuyết thì trong hội hội đều thu giữ tất cả. Nếu nói theo phẩm thì các phẩm đều thu giữ tất cả, cho đến nếu nói theo văn, thì văn văn, câu câu đều thu giữ tất cả. Vì sao? Vì nếu không có câu và văn này thì phẩm kia sẽ không thành, nên pháp pháp Đà-la-ni vì như thế nên như dưới sẽ nói.

3. Giải thích ý văn: Văn có bảy ngôn, ba mươi câu. Trong đây, phần lớn có ba:

- a. Mười tám câu, y cứ vào lược hạnh lợi mình.
- b. Bốn câu, nói về hạnh lợi người.
- c. Tám câu giải thích về người tu hành, phương tiện và được lợi ích.

1. Theo trong môn đầu có hai:

1. Bốn câu đầu thị hiện phần chứng.

2. Mười bốn câu tiếp theo chỉ rõ phần duyên khởi.

Hai câu đầu trong đây chỉ cho thể của duyên khởi.

2. Hai câu tiếp theo y cứ vào dụng lý Đà-la-ni để giải thích thu giữ pháp, phân chia, xếp đặt. Hai câu tiếp theo tức sự chỉ rõ phân chia giới hạn của pháp thu giữ.

3. Bốn câu tiếp theo y cứ thế gian, thời gian để thị hiện thu nhiếp giới hạn, phạm vi của pháp.

Hai câu tiếp theo y cứ vào vị để làm rõ thu nhiếp, giới hạn, phạm vi của pháp.

Hai câu tiếp theo giải thích chung ý trên.

Dù sáu môn khác nhau mà chỉ nêu rõ duyên khởi pháp Đà-la-ni.

Đầu tiên nói thể duyên khởi, tức là pháp Đà-la-ni của Nhất thừa. Một tức tất cả, tất cả tức một, pháp chẳng có chương ngại, là pháp giới. Nay, y cứ một môn để nêu rõ nghĩa duyên khởi. Cái gọi là Duyên khởi, nghĩa là đại Thánh giáo hóa chúng sinh, muốn sao cho khế hợp với lý, bỏ sự.

Phàm phu thấy sự tức mê về lý. Bậc Thánh duyên lý, đã không có ở sự, nên nay nêu thật lý, để hội mê tình, làm sao cho các hữu tình biết sự tức không có sự, tức hội lý, nên khởi giáo này. Nên Địa Luận nói: Tự tướng ấy có ba thứ:

1. Tướng báo, danh sắc chung với thức A-lại-da sinh ra, như kinh nói: Đối với địa của ba cõi, lại có mầm sinh, cái gọi là danh sắc, sinh chung, danh sắc sinh chung, nghĩa là danh sắc sinh chung với tướng báo kia.

2. Tướng nhân kia, là danh sắc không lìa tướng kia, vì dựa vào tướng kia sinh chung, như kinh nói: Vì không lìa.

3. Tướng thứ lớp của quả kia, từ sáu nhập cho đến hữu, như kinh nói: Danh sắc này thêm lớn xong, hình thành nhóm sáu nhập, cho đến vì có nhân duyên nên có sinh già, bệnh, chết, lo buồn, khổ não.

Chúng sinh như thế thêm lớn nhóm khổ, trong đây lìa ngã, ngã sở, chẳng biết không có giác, như cỏ cây.

Lìa ngã, ngã sở trong đây, nghĩa là hai pháp này thị hiện không.

Chẳng có biết, chẳng có giác, vì tự thể chẳng có ngã, cỏ cây vì thị hiện không phải số chúng sinh, nên biết mười hai nhân duyên v.v... tức thể tự tánh không. Dựa vào thức ACE-lại-da kia sinh ra Lê-da vi tế, tự thể vô ngã, sinh mười hai nhân duyên. Mười hai nhân duyên thị hiện đều vô ngã, nên duyên sinh chẳng có pháp riêng, Phật nêu môn quán duyên khởi để hội nhập các pháp, tất cả vô phân biệt, tức tánh thành

Phật.

Luận Địa nói: thuận theo quán thế đế, tức nhập đệ nhất nghĩa đế, là sự kia. Nghĩa này ở Ba thừa cũng chung cho Nhất thừa. Vì sao? Vì sở nhân của Nhất thừa. Nếu y cứ vào Nhất thừa Biệt giáo thì phân biệt nói mười môn: Cái gọi là nhân duyên vì tự chia ra thứ lớp, vì thuộc về nhất tâm, vì tự nghiệp thành, vì không lia nhau, vì ba đường không dứt, vì quán tế trước, sau, vì ba khổ nhóm họp, vì nhân duyên sinh, vì nhân duyên sinh diệt ràng buộc, vì thuận theo quán có cùng tận.

Mười hai nhân duyên như thế thuộc về nghĩa Nhất thừa. Vì sao mười phen thường nói là vì muốn nêu rõ vô lượng?

Hỏi: Mười phen nhân duyên là đối xứng với ở trước, sau, hay trong cùng một thời gian?

Đáp: Ngay nơi trước, sau, tức không có trước, sau.

Làm sao biết được? Vì môn không đồng nên tức trước, sau; vì sáu thành nhau nên không có trước, sau.

Nghĩa ấy như thế nào?

Vì mười phen dù riêng, nhưng đều thành vô ngã, nên kinh Anh Lạc nói: Mười lượt nhân duyên thuộc về nghĩa của Ba thừa. Vì sao? Vì chỉ có giáo sai biệt khác nhau, rộng như Địa Luận đã nói. Như thuyết mười hai nhân duyên nói: Duyên khác sinh các pháp, so sánh có thể hiểu.

Pháp Đà-la-ni như dưới đây sẽ nói.

Pháp tức sự thu nhiếp, biểu thị nhân-đà và vi tế đà. Nghĩa rộng như kinh nói.

Cái gọi là chín đời: quá khứ quá khứ, quá khứ hiện tại, quá khứ vị lai, hiện tại hiện tại, hiện tại vị lai, vị lai vị lai, vị lai hiện tại.

Ba đời tương tức và tương nhập hình thành một niệm kia, vì chung riêng gọi chung là mười đời.

Một niệm: là nói theo sự niệm.

Y cứ vào vị, dùng phương tiện sáu tướng, tùy theo nghĩa mà tiêu tức, thì sẽ hiểu được.

Tướng, như trên đã nói.

Hỏi: Duyên khởi trong một lời nói các pháp không hai, tức đã rõ ràng rồi, đâu cần nhiều môn?

Đáp: Thể giải tức là không cần tìm xa, cho nên kinh nói: Tánh tâm, giận dữ, si tức là Bồ-đề. Mê như thế rất xa, nên ngoài bảy thứ khổ đế của Phật giáo còn có Bồ-đề riêng, cần phải trải qua ba vô số kiếp, như thuyết tu hành, mới được độ. Vì người mê phải có nhiều môn để

nói.

Hỏi: Nếu như thế pháp môn vô số lượng vì sao chỉ nói sáu môn?

Đáp: Dùng sáu môn để nói các pháp. Vì so sánh thích hợp để hiểu, nên lược nói như thế, thật ra như nói: Sáu mù mịt không có phân biệt, nghĩa là vì pháp, pháp duyên khởi như thế, so sánh trên có thể suy nghĩ.

Theo hạnh lợi tha: Ấn, nghĩa là y cứ theo dụ mà được tên. Vì sao? Vì biển này rất sâu, sáng sạch thấu tận đáy. Lúc Thiên đế đấu tranh với A-tu-la, tất cả chúng binh, tất cả binh cụ, hiện rõ ràng, phân minh trong đó vì in rõ ràng từng nét chữ, nên gọi là Hải ấn, chủ thể nhập tam-muội, cũng giống như thế, cùng cực chứng pháp tánh, không có nguồn đáy, vì trong sạch cuối cùng, sâu dày rõ ràng, ba thứ thế gian hiện rõ trong đó, nên gọi là Hải ấn.

Y cứ vào phương tiện tu hành: Trong đây có hai:

a. Nói về phương tiện tu hành.

b. Giải thích được lợi ích.

Môn hạnh đầu tiên, nghĩa là thấy, nghe pháp cùng khắp của Nhất thừa trở đi, chưa chứng pháp khắp viên mãn trở lại. Đây là nói theo Nhất thừa Biệt giáo để.

Nếu nói theo phương tiện Nhất thừa thì năm thừa đều là nhiếp nhập Nhất thừa. Vì sao? Vì là đối tượng truyền bá của Nhất thừa, là đối tượng gọi của Nhất thừa, là phương tiện của Nhất thừa.

Nếu y cứ theo ngữ đạo lý duyên khởi, phương tiện, thì y cứ vào ngữ trí, vì sao? Vì thú hưởng bất trụ, gọi là phương tiện. Người không hồi tâm, không gọi là phương tiện. Cũng có thể nói theo ý Thánh giáo. Vì sao? Vì dùng phương tiện tốt đẹp để dẫn dắt chúng sinh.

Như năm thừa nói về nhân quả của nhân, pháp, tất cả pháp nghĩa giáo của sự, lý, giải, hạnh, so sánh như thế.

Hỏi: Cái gọi là pháp năm thừa vì là giáo pháp chủ thể giải thích phải chăng? Hay là nghĩa của đối tượng giải thích?

Đáp: Tất cả các pháp chủ thể giải thích, đối tượng giải thích đều ở trong lời nói, nghĩa ấy như pháp tướng của đối tượng giải thích đều dứt, chư Phật Thế Tôn vì năng lực bản nguyện đại từ bi, nên gia pháp của chư Phật, vì pháp như thế, nên lập ra ngôn giáo, nói cho chúng sinh nghe. Vì nghĩa này nên tất cả chúng sinh thuộc về lưới giáo, đều ở lời nói. Cho nên, Kinh nói: Tất cả các pháp chỉ có tên gọi, tức là nghĩa kia.

Hỏi: Pháp phần chứng, ngôn tướng bất cập, pháp ngôn giáo ở trong

sự ấy, chứng hai pháp của giáo, thường là ở lỗi hai bên phải chăng?

Đáp: Nếu nói theo tình thì chứng pháp và giáo pháp thường ở hai bên. Nếu y cứ theo lý nhập thuyết chứng pháp và giáo pháp, xưa nay Trung đạo, nhất vô phân biệt. Cho nên biết được biến kế vô tướng, y tha vô sinh, chân thật vô tánh, ba thứ tự tánh thường Trung đạo. Ngoài ba pháp này, không còn có giáo chứng. Cho nên, phải biết nhất vô phân biệt, vì con người được lý này nên danh tướng chẳng bằng nói cho, chúng sinh nghe, nên gọi là ở trong sự, vì thế Kệ kinh nói:

Tất cả các Như Lai.

Không có nói pháp Phật.

Tùy đối tượng hóa độ.

Nói pháp cho họ nghe.

Tức là nghĩa đó, nên bậc Thánh vì thuận theo biến kế, nên lập ra ba tánh. Vả lại, yên trí cùng cực tâm, dần dần về sau biểu hiện ba vô tánh, giác ngộ người mộng, đây là sự khéo léo vĩ đại của bậc Thánh.

Hỏi: Như Nhiếp Luận nói: đối tượng chấp cảnh giới biến kế của phàm phu, chân thật y tha, cảnh giới của Thánh trí, vì sao bậc Thánh thuận theo biến kế?

Đáp: Các pháp biến kế, vì điên đảo nên có, cho nên luận nói rằng: Cảnh giới của phàm phu vì rốt ráo là không, nên chẳng có đối tượng để đối. Trong giải thích chẳng phải cảnh giới của bậc Thánh, chẳng phải nói là trí không, thì chẳng phải cảnh giới bậc Thánh. Nên bậc Thánh từ bi vận dụng phương tiện, vì theo chứng bệnh của mắt, nên nói là hoa đốm trong hư không, đâu có trở ngại thưa hỏi, là lý ở đây.

Hỏi: Như trên đã nói: Pháp phần chứng và pháp phần duyên khởi có gì khác nhau?

Đáp: Riêng, không riêng.

Nghĩa ấy như thế nào?

Pháp phần chứng là nói theo thật tướng, chỉ chứng sở tri, nên pháp phần duyên khởi là từ các duyên sinh, không có tự tánh, vì chẳng khác với gốc, cho nên không riêng.

Hỏi: Nếu thế thì đối tượng chứng của mình, nói cho chúng sinh nghe, không khác với ngọn, bình thường có khác nhau chăng?

Đáp: Được nghĩa ấy nếu là đối tượng chứng ở lời nói, không khác với ngọn, thì ngôn thuyết đối với chứng sẽ chẳng khác với gốc. Vì chẳng khác với gốc nên dụng mà thường vắng lặng, nói mà không nói, vì không khác với ngọn, nên vắng lặng mà thường vận dụng. Không nói mà nói, vì không nói mà nói, nên không nói tức chẳng phải không nói.

Vì nói mà không nói nên nói tức chẳng phải nói. Vì nói tức chẳng phải nói, nên nói tức không thật có, vì không nói tức chẳng phải không nói, nên nói tức không thật có. Vì cả hai đều không thể được, nên cả hai đều chẳng ngăn ngại nhau.

Vì nghĩa này nên nói và chẳng nói đồng nhau không khác. Sinh và không sinh bình đẳng chẳng khác, động và bất động bằng nhau không có khác nhau.

Tất cả pháp môn tương đối khác nhau, vì so sánh như thế nên Kinh nói rằng: Tất cả các pháp hữu vi, vô vi dù có Phật, không có Phật, tánh, tướng vẫn thường trú, không có đối khác, là nghĩa ấy. Cũng có thể nói đúng trong pháp, ngoài ngôn thuyết, không còn có nghĩa riêng, lấy ngôn làm nghĩa, trong pháp chánh nghĩa, ngoài chánh nghĩa không còn có lời khác, lấy nghĩa làm ngôn, vì dùng nghĩa làm ngôn, nên ngôn đều là nghĩa, vì dùng ngôn làm nghĩa nên nghĩa đều là ngôn. Vì nghĩa đều là ngôn, nên nghĩa tức chẳng phải nghĩa, vì ngôn đều là nghĩa nên ngôn tức chẳng là ngôn. Vì ngôn tức chẳng phải nghĩa, nên cả hai đều không thật có, cho nên, tất cả pháp xưa nay ở Trung đạo. Trung đạo, nghĩa là chung cho ngôn, chẳng phải ngôn. Vì sao? Vì thật tướng các pháp không ở trong lời nói, vì lìa danh tánh, nên pháp lời nói chẳng ở trong chân tánh. Vì lợi ích ở căn cơ, nên gọi là không có chân tánh. Vì lìa danh tánh, nên danh mà không có danh. Vì danh mà không có danh nên dùng danh cầu thật. Thật không thể được, vì danh không có chân tánh, danh mà không có danh nên tánh không thật có.

Vì nghĩa này nên cả hai đều không thật có, chỉ chứng sở tri, chẳng phải cảnh giới khác. Cho nên Kinh nói: Tất cả các pháp chỉ là sở tri của Phật, chẳng phải cảnh giới của ta.

Hỏi: Hai nghĩa trước, sau có khác chăng?

Đáp: Nghĩa trước dùng gốc ngọn tương tức, dung nhau, hiển bày Trung đạo, nghĩa sau dùng danh, nghĩa bao dung lẫn nhau, biểu thị rõ nghĩa vô ngã. Đạo lý đã rõ, chẳng khác với phương tiện riêng của chủ thể giải thích. Đây tức là gốc ngọn giúp nhau, danh nghĩa bao dung lẫn nhau, mở mang dẫn dắt chúng sinh, sao cho chúng sinh tự trở về với vô danh, chân nguyên chủ yếu tông của chủ thể hóa, đối tượng hóa là ở đây.

Hỏi: Mỗi nghĩa này đối xứng với tông đốn giáo, vì sao trong đây nói?

Đáp: Như trên đã nói, nói và không nói bình đẳng không có khác. Vì sao? Vì đều là đức thật, nên không trở ngại thưa hỏi. Và lại, vì giữ

gìn phân biệt nên thuận theo thuyết của Ba thừa. Vì khả năng vượt hơn hơn của người trí. Phần chủ yếu như trên và nghĩa phần duyên khởi, nghĩa đại, giáo đại trong biện luận đối xứng. Trái với phân biệt được vô phân biệt, gọi là không có duyên. Vì thuận theo lý bất trụ, nên gọi là khéo léo. Như nói: Người tu hành được ý bậc Thánh nên gọi là gấp rút. Như ý như trước. Trở về nhà, vì chứng bản tánh. Nhà là nghĩa gì? Nghĩa là che mát, nghĩa là chỗ ở.

Cái gọi là pháp tánh chân không, vì nơi ở của tác giả nên gọi là nhà. Đại bi khéo che mát chúng sinh gọi là Nhà. Nghĩa này ở Ba thừa, Nhất thừa mới rõ ráo. Vì sao? Vì thích ứng pháp giới. Cái gọi là nhà pháp giới Đà-la-ni và nhà Nhân-đà-la, nhà vi tế, v.v... vì đây là chỗ y trụ của bậc Thánh, nên gọi là nhà. Tùy phần, vì nghĩa chưa mãn. Tư lương, vì giúp cho phần Bồ đề, như dưới đây, kinh nói: Là hai ngàn lời đáp trong phẩm Ly Thế Gian.

Giảng nói được lợi ích, nghĩa là Đà-la-ni, gọi là tổng trì, như nói trong pháp mảy mười tiền nói ở dưới. Thực tế là cùng pháp tánh, Trung đạo vì dung thông hai bên. Giường ngôi, là thu nhiếp tất cả, vì ở yên trong mười thứ pháp giới, vì giường báu rộng lớn Niết-bàn nhiếp giữ tất cả, nên gọi là giường ngôi.

Báu là vật đáng quý.

Giường, nghĩa là thu giữ.

Về mười thứ Niết-bàn, như ở dưới kinh nói: Thuyết của phẩm Ly Thế Gian nói, bất động từ xưa đến nay, vì nghĩa Phật từ xưa đến nay, nên cái gọi là mười vị Phật, như kinh Hoa Nghiêm nói:

1. Phật vô trước, vì an trụ thế gian thành Chánh giác.
2. Phật nguyện, vì sinh ra.
3. Phật nghiệp báo, vì đức tin.
4. Phật trì, vì thuận theo.
5. Phật hóa, vì vượt qua hẳn.
6. Phật pháp giới, vì không nơi nào chẳng đến.
7. Phật tâm, vì an trụ.
8. Phật tam-muội, vì vô ngại, vô trước.
9. Phật tánh, vì quyết định.
10. Phật như ý, vì che khắp.

Vì sao nói số mười?

Vì muốn nói lên nhiều Phật, vì nghĩa này là nguồn chân của các pháp, tông huyền diệu rất ráo rất sâu kín khó hiểu, nên có thể suy nghĩ sâu xa.

Hỏi: Hữu tình còn ràng buộc, chưa dứt phiền não, chưa thành phước trí. Vì nghĩa gì nên thành Phật từ xưa đến nay?

Đáp: Phiền não chưa dứt chẳng gọi là thành Phật. Phiền não dứt hết, phước trí thành xong, từ đây trở đi gọi là thành Phật xưa nay.

Hỏi: Dứt hoặc bằng cách nào?

Đáp: Như Địa Luận nói: không phải trước, không phải giữa, không phải sau, vì trước, giữa, sau làm sao dứt? Như hư không, vì đoạn như thế nên chưa dứt trở lại, không gọi là đoạn. Hiện đoạn trở đi, gọi là đoạn xưa nay, cũng như giấc mộng, ngủ thức khác nhau, nên lập ra thành, không thành, đoạn không đoạn bình đẳng, thật ra về đạo lý thật tướng các pháp không thêm, không bớt, xưa nay không dao động. Thế nên, kinh nói: Trong pháp Bồ-tát không thấy một pháp nào bớt, trong pháp thanh tịnh không thấy một pháp nào thêm, là việc ấy.

Có người nói: Văn kinh như thế, là nói theo lý, chẳng phải nói theo sự. Nếu y cứ theo môn giáo phương tiện của ba thừa, thì phải có nghĩa này, nếu y chỉ môn giáo như thật của Nhất thừa, không cùng tận lý Nhất thừa, thì lý sự mù mờ. Một khi vô phân biệt thì thể, dụng viên dung, thường tồn tại Trung đạo, ngoài việc của mình ra chỗ nào được lý?

Hỏi: Trong giáo Ba thừa cũng có vắng lặng mà thường vận dụng, vận dụng mà thường vắng lặng, các nghĩa như thế vì sao ở trên vừa nói môn nghiêng lệch tức lý, vì trong tức sự không được tự tại?

Đáp: Vì lý, sự tương tức có nghĩa như thế, chẳng phải nói là sự sự tương tức, vì sao? Vì trong giáo Ba thừa muốn trị bệnh phân biệt, phải hội sự nhập lý làm tông. Nếu y cứ vào Nhất thừa Biệt giáo, lý lý tương tức, cũng được sự sự ương tức, cũng được lý, sự ương tức, cũng được mỗi sự, lý đều không tương tức, cũng được tương tức. Vì sao? Vì ở giữa tức khác nhau nên cũng có đầy đủ các pháp môn lý nhân Đà-la-ni và sự nhân Đà-la-ni.

Mười Phật trong nhà pháp giới của Phổ Hiền có pháp môn pháp giới vô chướng ngại như thế, vì rất tự tại. Ngoài ra, pháp môn nghịch, thuận, chủ, bạn tương thành, so sánh tương ứng nhau, thuận theo nghĩa tiêu tức. Nếu muốn quán duyên khởi pháp Đà-la-ni thật tướng, thì trước lẽ ra phải giác biết pháp mấy mươi tiền, đó là một tiền cho đến mười tiền. Sở dĩ nói mười là vì muốn nói lên sự vô lượng, nên trong đây có hai:

1. Mười trong một, một trong mười.
2. Một tức mười, mười tức một.

Trong môn đầu có hai:

1. Hưởng thượng.
2. Hưởng hạ.

Trong phần nói hưởng lên (thượng) có mười môn khác nhau.

1/ Một. Vì sao? Vì duyên thành nên là số gốc, cho đến mười, nghĩa là mười trong một. Vì sao? Vì nếu không có số một thì mười sẽ không thành, vẫn là mười chẳng phải một. Môn khác cũng giống như thế. Sự so sánh có thể biết.

Trong hưởng trở xuống (hạ) cũng có mười môn:

2/ Mười. Vì sao? Vì duyên thành cho đến mười, nghĩa là một trong mười. Vì sao? Vì nếu không có mười thì một sẽ không thành, vẫn là một chẳng phải mười. Số khác cũng giống như thế. Sinh biến như thế, xét đối xứng sẽ biết, trong mỗi tiền, có đầy đủ mười môn, như trong hai tiền gốc, ngọn đầy đủ mười môn, trong tám tiền khác, so sánh rất dễ hiểu.

Hỏi: Hiện nói một, nghĩa là đâu được trong một, gọi là mười?

Đáp: Pháp Đà-la-ni đại duyên khởi, nếu không có một, thì tất cả sẽ không thành, quyết định biết tướng duyên khởi như thế, như đã nói một, nghĩa là không phải tự tánh, vì một duyên thành, nên một, cho đến mười, nghĩa là chẳng phải tự tánh mười. Vì duyên thành nên mười. Tất cả pháp duyên sinh chẳng có một pháp nào quyết định tướng có tánh. Vì chẳng có tự tánh nên không tự tại, nghĩa là sinh, bất sinh sinh, bất sinh sinh, tức là nghĩa bất trụ. Nghĩa bất trụ tức là Trung đạo. Nghĩa Trung đạo tức vì chung cho sinh, bất sinh, nên Long Thọ nói: Pháp do nhân duyên sinh, ta nói tức là không, cũng nói là giả danh, cũng là nghĩa Trung đạo, tức là nghĩa ấy.

Nghĩa Trung đạo là nghĩa vô phân biệt. Vì pháp vô phân biệt chẳng giữ tự tánh nên tùy duyên vô tận, cũng là bất trụ. Cho nên phải biết, mười trong một, một trong mười, bao dung nhau vô ngại, vẫn không phải là nhau, vì hiện trong một môn đầy đủ mười môn, nên nói trí ở giữa, trong một môn có nghĩa vô tận, như một môn, môn khác cũng giống như thế.

Đáp: Trong một môn có nhiếp giữ mười tận hay không?

Đáp: Đều bất tận. Vì sao? Vì cần tận tức tận, cần không tận thì không tận. Nghĩa ấy như thế nào? Vì một sự giải thích một, nhiều nên tức tận, vì dùng sự khác để giải thích một, nhiều nên tức bất tận. Lại, nghĩa một, nhiều trong một sự, chẳng phải là nhau, tức là nhiều, một. Vì sự tức nhiều là một trong bốn câu. Lỗi lầm giữ lấy, không phải đức lìa, so sánh rất dễ hiểu, sự khác cũng so sánh đồng.

Hỏi: Cần là nghĩa gì?

Đáp: Cần, nghĩa là duyên thành. Vì sao? Vì pháp nhân duyên một không khác nhau, nên trong môn các sự riêng, so sánh như thế. Diệu lý duyên khởi, lẽ ra như thế, vì có thể biết, nên môn thứ nhất đã xong.

Môn thứ hai: Trong đây cũng có hai môn:

1. Hưởng lên. (thượng)

2. Hưởng xuống. (hạ)

Mười môn trong môn đầu khác nhau:

1/ Một. Vì sao? Vì duyên thành cho đến mười, một tức mười. Vì sao? Vì nếu không có số một, thì mười sẽ không thành. Vì duyên thành nên trong môn thứ hai cũng có mười.

2/ Mười. Vì sao? Vì duyên thành, cho đến mười, mười tức một. Nếu không có mười thì một sẽ không thành. Số còn lại so sánh rất dễ hiểu.

Vì nghĩa này nên phải biết trong mỗi tiền đầy đủ mười môn.

Hỏi: Nhiều môn như trên, một thời điểm đều viên, hay trước, sau khác nhau?

Đáp: Tức viên, tức trước, sau khác nhau. Vì sao? Vì cần viên thì viên, cần trước, sau thì trước, sau. Vì sao? Vì dụng đức trong nhà pháp tánh, vì tự tại vô chướng ngại, vì duyên thành, nên đều được như thế.

Hỏi: Nghĩa đến đi đã nói như trên, nghĩa ấy tương trạng như thế nào?

Đáp: Vì mình không lay động mà thường đến, đi. Vì sao? Vì đến, đi nghĩa là nghĩa tùy duyên, tức là nghĩa nhân duyên. Không dao động: hưởng đến nghĩa gốc, tức là nghĩa duyên khởi.

Hỏi: Nhân duyên có gì khác với duyên khởi?

Đáp: Vừa khác, vừa đồng, cái gọi là nghĩa khác ấy là nhân duyên đối chiếu nhau, làm sáng tỏ nghĩa vô tự tánh, chính là thể của tục đế.

Duyên khởi: Tùy tánh không có phân biệt, tức là tương tức, dung nhau, biểu thị rõ nghĩa bình đẳng, chính là thuận theo Thế đệ nhất nghĩa. Vì tục đế không có tự tánh, nên thuận theo nghĩa thứ nhất, nên kinh nói: Thuận theo quán thế đế, tức nhập Đệ nhất nghĩa đế, tức nghĩa ấy.

Nghĩa khác như thế, nghĩa đồng như ở trước, Long Thọ đã giải thích.

Y cứ trong mỗi tiền, đối với mười môn đầy đủ đồng thời, dùng để chuyển vận trở về, để so sánh rất dễ hiểu.

Mười môn đã nói như trên, như thứ nhất trong tiền, cho đến thứ mười khác nhau, mà tương tức, nhập không trở ngại nhau. Mặc dù rất

nhiều môn riêng về: Nhân quả, lý sự, nhân, pháp, giải, hạnh, giáo, ng-hĩa, chủ, bạn, v.v... mà thuận theo nói một môn, thì thu giữ hết tất cả, các nghĩa khác so sánh có thể biết.

Trên đây là pháp đếm tiền đồng. Vả lại, dựa vào đồng tiền sự biến kể, nhằm nêu rõ đồng tiền duyên khởi của nhân duyên y tha. Cũng có thể y cứ vào sự chỉ bày làm rõ sinh tất cả các pháp, rốt ráo không thật có, vì chúng sinh chấp vật thể biến kể, mê pháp duyên khởi, chỉ rõ pháp đứng dừng hoàn toàn dị biệt. Kinh nói: Công đức một niệm của Bồ-tát mới phát tâm không cùng thể tận, như đồng tiền thứ nhất. Vì sao? Vì y cứ vào một môn, làm sáng tỏ vô tận, hướng chi vô lượng, vô biên các địa.

Công đức: Như đồng tiền thứ hai trở đi. Vì sao? Vì y cứ vào môn khác để nói, vào lúc mới phát tâm, liền thành Chánh giác, như vì một đồng tiền tức mười. Vì sao? Vì y cứ vào thể hạnh để giảng nói.

Hỏi: Bồ-tát mới phát tâm: Bồ-tát tín địa, tức là giai vị đệ tử. Thành chánh giác là Phật địa, tức là địa vị đại sư, cao, thấp khác nhau, địa vị cũng khác, vì sao? Vì đồng chỗ đều là đầu hay là chân?

Đáp: Pháp phương tiện Ba thừa và pháp Nhất thừa của Viên giáo. Dụng pháp đứng dừng, đều riêng không được dùng lẫn lộn, nghĩa ấy như thế nào? Vì pháp Ba thừa, đầu, chân đều khác nhau, con cái của cha, năm, tháng khác nhau. Vì sao? Vì y cứ vào tướng mạo, vì sinh lòng tin. Pháp Nhất thừa viên giáo: Đầu, chân đều một, con cái của cha, năm, tháng đều đồng. Vì sao? Vì duyên thành, vì nói theo đạo lý.

Hỏi: Số một là nghĩa gì?

Đáp: Một nghĩa là một nghĩa vô phân biệt.

Hỏi: Đồng là nghĩa gì?

Đáp: Đồng, đồng với nghĩa bất trụ, vì vô phân biệt không dừng, đầu cuối đồng chỗ, thầy, trò đều là đầu.

Hỏi: Đồng chỗ đều là đầu nghĩa là gì?

Đáp: Đồng chỗ đều là đầu, nghĩa là không biết nhau. Vì sao? Vì vô phân biệt.

Hỏi: Vô phân biệt ấy nghĩa là gì?

Đáp: Vô phân biệt, nghĩa là duyên sinh, tức là đầu cuối chung đồng là không hai, chẳng khác nhau. Vì sao? Vì tất cả pháp duyên sinh không có tác giả, không có thành, không có biết, nghĩa là một tướng của dụng vắng lặng, một vị cao, thấp cũng như hư không, các pháp pháp nhĩ, xưa nay như thế. Cho nên kinh nói: Quán tất cả pháp bất sinh, bất diệt, do nhân duyên mà có.

Văn như thế là nghĩa ấy.

Hỏi: Vì sao biết được Bồ-tát của vị tín, cho đến tu hạnh, đồng chỗ đều là đâu?

Đáp: Như dưới đây kinh nói: Khi mới phát tâm liền thành Chánh giác, cũng như Địa Luận giải thích: Bồ-tát của tín địa, cho đến Phật, vì sáu tướng thành cho nên nói biết có nghĩa như thế.

Sáu tướng như trên, ở đây nói muốn vào cửa quan yếu của ngôi nhà pháp tánh để mở kho tàng Đà-la-ni, tất nhiên phải có chìa khóa thật tốt.

Trên đây nói chỉ bày rõ pháp đại duyên khởi Đà-la-ni của Nhất thừa, cũng có thể phân biệt vô ngại của nhất thừa giải thích về thể đại, chẳng phải sự phân chia giới hạn của Ba thừa.

Hỏi: Sơ giáo trở lên tất cả các pháp tức không, tức như, một vô phân biệt, vì sao ở trên vừa nói đâu, chân đều riêng?

Đáp: Chẳng phải không có nghĩa này mà vì chưa mãn, nên từ dưới nói.

Hỏi: Cho nên biết được ngoài Ba thừa của mình, còn có sự phân chia xấp đặt của Nhất thừa Viên giáo, là vì như dưới đây, kinh nói: Tất cả loài chúng sinh trên thế giới, ít có ai muốn cầu đạo Thanh văn, người cầu Duyên giác lại càng ít hơn, người cầu Đại thừa rất ít có. Người cầu Đại thừa cũng là dễ, nếu tin pháp Đại thừa này mới thật là khó. Nếu chúng sinh thấp kém, tâm họ nhàm chán, thì dùng đạo Thanh văn để bảo cho biết, sao cho họ thoát khỏi mọi đau khổ.

Nếu lại có chúng sinh, các căn thấp nhỏ, sáng suốt, nhạy bén, ưa thích pháp nhân duyên, thì nói giáo pháp Bích-chi-phật cho họ nghe.

Nếu có người căn cơ sáng suốt, nhạy bén, có tâm đại từ bi, ưa đem lại lợi ích cho chúng sinh, thì sẽ nói đạo Bồ-tát cho họ nghe.

Nếu có người phát tâm vô thượng, quyết định ưa thích sự vĩ đại, thì vì họ thị hiện thân Phật, giảng nói vô tận pháp Phật. Lời bậc Thánh: Như hạt ngọc thường sáng, không nên lấy làm lạ.

Hỏi: Nhất thừa, Ba thừa giới hạn nghĩa riêng, nhờ đâu mà biết được?

Đáp: Y cứ vào mười môn thì biết.

1. Môn đồng thời đầy đủ tương ứng, trong đó có mười tướng, đó là nhân, pháp, lý, sự, giáo, nghĩa, giải, hạnh, nhân, quả. Mười môn tương ứng này chẳng có trước, sau.

2. Môn cảnh giới của Nhân-đà-la, trong đây đủ nghĩa đều có của mười môn trước, là từ dụ khác, so sánh rất dễ hiểu.

3. Môn bí mật ẩn, hiển đều thành: Môn này cũng đầy đủ nghĩa đều có của mười môn trước, là từ duyên khác.

4. Môn vi tế bao dung an lập, môn này cũng đủ nghĩa đều có của mười môn trước, vì từ tướng duyên khác nhau.

5. Môn pháp cách mười đời khác nhau mà thành, môn này cũng đủ nghĩa đều có của mười môn trước, vì từ đời khác nhau.

6. Môn các tạng thuận, tạp đầy đủ đức. Môn này cũng đủ nghĩa đều có của mười môn trước, vì từ sự khác nhau.

7. Môn một, nhiều bao dung khác nhau: Môn này cũng đầy đủ nghĩa đều có của mười môn trước, vì từ lý khác nhau.

8. Môn các pháp tương tức tự tại. Môn này cũng đầy đủ nghĩa đều có của mười môn trước, vì từ dụng khác nhau, cũng có thể y chỉ theo tánh.

9. Môn tùy tâm về khéo thành: Môn này cũng đầy đủ nghĩa đều có của mười môn trước, vì từ tâm khác nhau.

10. Môn phó thác sự, làm sáng tỏ pháp, sinh giải: Môn này cũng đầy đủ nghĩa đều có ở trước, vì từ trí khác nhau, nghĩa khác có thể rất dễ hiểu.

Mười môn mẫu nhiệm trên đều khác nhau như phạm vi của giáo nghĩa tương ứng với ở đây, thì tức là Viên giáo Nhất thừa và thuộc về Đốn giáo. Nếu giới hạn của nghĩa giáo tương ứng với môn này, mà không đầy đủ thì tức là Tiệm giáo của Ba thừa, nên biết như thế.

Mười môn ấy, đầy đủ viên mãn, như kinh Hoa Nghiêm nói, nghĩa rộng khác, như kinh, luận, số sao phân biệt khổng mục vấn đáp.

Họạ đồ pháp giới của Nhất thừa hợp với một ẩn, y cứ kinh Hoa Nghiêm và luận Thập Địa nhằm nói lên chỉ yếu của tông Viên giáo.

Chương tổng, ghi nhận ngày 15 tháng 7, năm đầu.

Vì sao không ghi rõ tên họ người biên tập?

Đáp: Vì nói lên các pháp duyên sinh không có chủ.

Vì sao ở năm, tháng, tên?

Đáp: Vì bảo cho biết tất cả các pháp đều nương vào duyên sinh.

Duyên từ chỗ nào đến?

Đáp: Từ trong tâm điên đảo mà đến.

Tâm điên đảo từ đâu đến?

Đáp: Từ vô đầu, vô cuối đến.

Vô đầu, vô cuối từ nơi nào đến?

Đáp: Từ như như đến.

Như như ở chỗ nào?

Đáp: Như như ở pháp tánh của mình. Pháp tánh lấy gì làm tướng?

Đáp: Lấy vô phân biệt làm tướng.

Cho nên, tất cả bình thường ở Trung đạo đều vô phân biệt, vì do nghĩa này.

Thì đứng đầu văn, pháp tánh viên dung chẳng có hai tướng, cho đến không dao động từ xưa đến nay, gọi là Phật, ý ở nơi đây. Cho nên dựa vào thi, tức luống dối, làm sáng tỏ thật, nên thệ nguyện: Thấy, nghe, tu tập danh tự và nghĩa pháp cùng khắp của Nhất thừa, hồi thí gốc lành này cho tất cả chúng sinh, huân tu khắp cùng tận cõi chúng sinh, cùng một lúc thành chương họa đồ pháp giới của Phật.

Họa đồ pháp giới Nhất thừa.

Tông Hoa Nghiêm, Đại sư Hương Tượng, Mạt Diệp Phi Nhân giải thích, Pháp sư Đầu để cầm bút.

Giờ Tý, ngày mồng ba, tháng ba, năm thứ hai, kiến lịch, mới cho ở trên núi cao, vì chùa Pháp Thắng, đồng bản một hiệu đỉnh. Hiền huyết bát hu.